JDI
JOURNAL OF DEVELOPMENT AND INTEGRATION

TẠP CHÍ PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP
Số 90 (2026) 36-44 | jdi.uef.edu.vn



# Nguồn lực sinh viên và nhà trường, đồng tạo giá trị và sự bền vững giáo dục đại học tại Việt Nam

**Lương Văn Thông, Nguyễn Mạnh Hoàng*, Lê Thanh Hà**
Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Việt Nam

TỪ KHÓA

Đồng tạo giá trị;
Lý thuyết nguồn lực;
Lý thuyết trọng dịch vụ;
Nguồn lực của sinh viên và trường đại học;
Sự bền vững về giáo dục đại học của trường đại học.

TÓM TẮT

Trong bối cảnh giáo dục đại học hướng tới phát triển bền vững, đồng tạo giá trị giữa sinh viên và nhà trường được xem là cơ chế quan trọng. Tuy nhiên, các bằng chứng thực nghiệm tích hợp hai nhóm nguồn lực sinh viên và nhà trường tác động đến sự bền vững giáo dục đại học thông qua cơ chế đồng tạo giá trị vẫn còn hạn chế. Dựa trên dữ liệu khảo sát 388 sinh viên tại TP.HCM, nghiên cứu này cho thấy các nguồn lực sinh viên (vốn xã hội, niềm tin vào năng lực bản thân, sự tham gia của người học) và nhà trường (định hướng sinh viên làm trung tâm, chất lượng dịch vụ số) có tác động tích cực đến đồng tạo giá trị ($R^2$ = 0,702), và qua cơ chế trung gian của đồng tạo giá trị ảnh hưởng mạnh đến sự bền vững giáo dục đại học ($R^2$ = 0,735). Nghiên cứu đóng góp bằng việc tích hợp lý thuyết trọng dịch vụ và lý thuyết nguồn lực để làm rõ cơ chế tích hợp nguồn lực thông qua đồng tạo giá trị nhằm hướng tới phát triển bền vững.

## 1. Giới thiệu

Trong bối cảnh giáo dục đại học (GDĐH) đang chuyển dịch theo định hướng phát triển bền vững, các trường đại học (ĐH) được kỳ vọng không chỉ cung cấp tri thức mà còn tạo ra các giá trị lâu dài về học thuật, xã hội và tổ chức (Leal Filho & cộng sự, 2025; Omland & cộng sự, 2025). Trong bối cảnh này, quan hệ giữa sinh viên và nhà trường không còn được nhìn nhận theo mô hình truyền thống "cung – cầu" mà đang chuyển dịch sang cách tiếp cận hợp tác, trong đó sinh viên trở thành chủ thể tham gia tích cực vào quá trình tạo lập giá trị giáo dục (Bovill, 2020; Dollinger & cộng sự, 2018).

Nhìn chung, các nghiên cứu quốc tế đã bước đầu chỉ ra rằng quá trình đồng tạo giá trị trong GDĐH chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau, thuộc nguồn lực cá nhân của sinh viên và nguồn lực của nhà trường (Monavvarifard & cộng sự, 2019). Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu hiện nay thường xem xét các yếu tố này một cách riêng lẻ, trong khi chưa làm rõ cách thức các nguồn lực của sinh viên và nhà trường được tích hợp với nhau để tạo ra giá trị giáo dục bền vững. Bên cạnh đó, vai trò của đồng tạo giá trị như một cơ chế trung gian giúp chuyển hóa các nguồn lực này thành kết quả bền vững về GDĐH của trường ĐH vẫn chưa được kiểm chứng đầy đủ.

Khoảng trống nghiên cứu này càng trở nên rõ ràng hơn trong bối cảnh các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Hiện các nghiên cứu trong nước chủ yếu tập trung vào vai trò của GDĐH đối với phát triển bền vững hoặc các điều kiện triển khai các mục tiêu SDGs và chuyển đổi số (Bui & cộng sự, 2024; Uoc,

*Tác giả liên hệ. Email: *manhhoang@ntt.edu.vn*
https://doi.org/10.61602/jdi.2026.90.05
Ngày nộp bài: 07/01/2026; Ngày chỉnh sửa: 10/3/2026; Ngày duyệt đăng: 23/3/2026; Ngày online: 24/9/2026
ISSN (print): 2815-428X, ISSN (online): 2815-6234

2023). Trong khi đó, vẫn còn thiếu các nghiên cứu thực nghiệm phân tích cơ chế tích hợp nguồn lực giữa sinh viên và nhà trường trong quá trình tạo lập giá trị, cũng như cách thức các nguồn lực này góp phần nâng cao sự bền vững của hệ thống GDĐH.

Để giải quyết khoảng trống này, nghiên cứu vận dụng và tích hợp hai lý thuyết quan trọng gồm lý thuyết trọng dịch vụ (Service-Dominant Logic - SDL) và lý thuyết nguồn lực (Resource-Based View - RBV). Theo SDL, giá trị không được tạo ra đơn phương bởi tổ chức mà hình thành thông qua quá trình tương tác giữa các chủ thể tham gia vào quá trình tạo giá trị (Vargo & Lusch, 2004, 2008). Trong khi đó, RBV cho rằng kết quả bền vững của tổ chức bắt nguồn từ khả năng sở hữu và khai thác hiệu quả các nguồn lực có giá trị (Barney, 1991). Việc kết hợp hai cách tiếp cận này cho phép giải thích đồng thời nguồn gốc của các nguồn lực chiến lược (RBV) và cơ chế tích hợp các nguồn lực thông qua tương tác (SDL), qua đó cung cấp một khung lý thuyết toàn diện để phân tích quá trình đồng tạo giá trị trong GDĐH.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu này phân tích tác động của các nguồn lực sinh viên (vốn xã hội, niềm tin vào năng lực bản thân và sự tham gia của người học) và các nguồn lực nhà trường (định hướng sinh viên làm trung tâm và chất lượng dịch vụ số) đến quá trình đồng tạo giá trị và sự bền vững về GDĐH của trường ĐH. Đồng thời, nghiên cứu xem xét vai trò trung gian của đồng tạo giá trị trong việc kết nối và chuyển hóa các nguồn lực này thành kết quả giáo dục bền vững. Qua đó, nghiên cứu đóng góp cho lý thuyết theo ba hướng chính. Thứ nhất, nghiên cứu phát triển một khung phân tích tích hợp giữa SDL và RBV để giải thích quá trình hình thành giá trị trong GDĐH. Thứ hai, nghiên cứu cung cấp bằng chứng thực nghiệm về vai trò đồng thời của nguồn lực sinh viên và nguồn lực nhà trường trong quá trình đồng tạo giá trị. Thứ ba, nghiên cứu làm rõ vai trò trung gian của đồng tạo giá trị như một cơ chế quan trọng giúp chuyển hóa các nguồn lực của các chủ thể tham gia thành sự bền vững về GDĐH của trường ĐH.

## 2. Tổng quan lý thuyết

### *2.1. Lý thuyết nền tảng*

#### *2.1.1. Lý thuyết trọng dịch vụ*

Lý thuyết trọng dịch vụ (SDL) cho rằng giá trị không được tạo ra đơn phương bởi tổ chức mà được hình thành thông qua quá trình tương tác và tích hợp nguồn lực giữa các tác nhân trong hệ thống dịch vụ (Vargo & Lusch, 2004, 2008). Vận dụng SDL trong GDĐH cho phép xem sinh viên là các tác nhân đồng tham gia cùng nhà trường trong quá trình kiến tạo giá trị giáo dục thông qua tương tác, hợp tác và chia sẻ tri thức. Theo cách tiếp cận này, đồng tạo giá trị đóng vai trò như cơ chế kết nối và khai thác các nguồn lực của sinh viên và nhà trường, qua đó góp phần nâng cao sự bền vững về GDĐH của trường ĐH (Dollinger & cộng sự, 2018; Monavvarifard & cộng sự, 2019).

#### *2.1.2. Lý thuyết nguồn lực*

Lý thuyết nguồn lực (RBV) cho rằng lợi thế và kết quả bền vững của tổ chức được quyết định bởi khả năng sở hữu, phát triển và khai thác hiệu quả các nguồn lực nội tại có giá trị, hiếm và khó bắt chước (Barney, 1991). Vận dụng RBV trong bối cảnh GDĐH cho phép các nguồn lực của sinh viên như vốn xã hội, niềm tin vào năng lực bản thân và sự tham gia của người học cũng như các nguồn lực của trường ĐH như định hướng sinh viên làm trung tâm, chất lượng dịch vụ số là những yếu tố chiến lược tạo nền tảng cho quá trình tạo lập giá trị giáo dục. Thông qua việc huy động, tích hợp và khai thác hiệu quả các nguồn lực này, các trường ĐH có thể thúc đẩy quá trình đồng tạo giá trị giữa sinh viên và nhà trường, từ đó nâng cao sự bền vững về GDĐH của trường ĐH (Monavvarifard & cộng sự, 2019; Ranjan & Read, 2016).

### *2.2. Giả thuyết nghiên cứu*

#### *2.2.1. Nguồn lực của sinh viên*

2.2.1.1. Vốn xã hội của sinh viên (Social Capital - SC) và đồng tạo giá trị trong trường ĐH (Value co-creation - VCC)

Vốn xã hội của sinh viên là mạng lưới quan hệ học thuật, mức độ tin cậy và các chuẩn mực hỗ trợ lẫn nhau giữa sinh viên với bạn học, giảng viên và nhà trường, được xem là một nguồn lực xã hội then chốt có tác động trực tiếp đến mức độ tham gia đồng tạo giá trị thông qua việc chia sẻ tri thức, tương tác xã hội và hành vi hợp tác của sinh viên trong trường ĐH. Qua đó, cho thấy các mối quan hệ xã hội bền vững tạo điều kiện cho sinh viên gia tăng mức độ tham gia, trao đổi tri thức và góp phần thúc đẩy quá trình đồng tạo giá trị trong trường ĐH (Monavvarifard & cộng sự, 2019). Qua đó, tác giả đề xuất giả thuyết sau:

*H1: Vốn xã hội của sinh viên có tác động tích cực đến quá trình đồng tạo giá trị trong trường ĐH.*

2.2.1.2. Niềm tin vào năng lực bản thân (Self-Efficacy - SE) và đồng tạo giá trị trong trường ĐH

Niềm tin vào năng lực bản thân của sinh viên phản ánh mức độ sinh viên tin tưởng vào khả năng thực hiện hiệu quả các hành vi học tập đòi hỏi sự chủ động, giải quyết vấn đề và tham gia tương tác. Trong đồng tạo giá trị, niềm tin vào năng lực bản thân của sinh viên được xem là một nguồn lực cá nhân quan trọng thúc đẩy mức độ sẵn sàng tham gia của sinh viên thông qua việc gia tăng động lực và khả năng huy động nguồn lực cá

nhân (Alves & Wagner Mainardes, 2017), qua đó thúc đẩy quá trình đồng tạo giá trị trong GDĐH (Omland & cộng sự, 2025). Do vậy, tác giả đề xuất giả thuyết sau:

*H2: Niềm tin vào năng lực bản thân của sinh viên có tác động tích cực đến quá trình đồng tạo giá trị trong trường ĐH.*

2.2.1.3. Sự tham gia của người học (Learner Participation - LP) và đồng tạo giá trị trong trường ĐH

Sự tham gia của người học thể hiện qua mức độ đầu tư thời gian, nỗ lực và tương tác học thuật, đây được xem là động lực trực tiếp của quá trình đồng tạo giá trị trong GDĐH. Mức độ tham gia này ảnh hưởng đến việc hình thành các giá trị tri thức, xã hội và trải nghiệm của người học. Đồng thời, thông qua các tương tác giữa người học với giảng viên và nhà trường sẽ góp phần nâng cao chất lượng trải nghiệm học tập và thúc đẩy quá trình đồng tạo giá trị trong trường ĐH (Omland & cộng sự, 2025; Qi & cộng sự, 2020). Do vậy, tác giả đề xuất giả thuyết sau:

*H3: Sự tham gia của người học có tác động tích cực đến quá trình đồng tạo giá trị trong trường ĐH.*

*2.2.2. Nguồn lực của trường ĐH*

2.2.2.1. Định hướng sinh viên làm trung tâm (Student centeredness - STC), đồng tạo giá trị và sự bền vững về GDĐH của trường ĐH (University Educational Sustainability - UES)

Định hướng sinh viên làm trung tâm là cách tiếp cận giáo dục trong đó mục tiêu đào tạo, phương pháp giảng dạy và các cơ chế hỗ trợ học tập được thiết kế dựa trên nhu cầu, trải nghiệm và mức độ tham gia của sinh viên (Leatemia & cộng sự, 2022). Cách tiếp cận này không chỉ tạo điều kiện thúc đẩy sự tương tác, hợp tác và chia sẻ giữa sinh viên và nhà trường, qua đó nâng cao quá trình đồng tạo giá trị, mà còn góp phần nâng cao sự bền vững về GDĐH của trường ĐH (Monavvarifard & cộng sự, 2019; Omland & cộng sự, 2025). Từ đó, tác giả đề xuất giả thuyết sau:

*H4: Định hướng sinh viên làm trung tâm có tác động tích cực đến quá trình đồng tạo giá trị trong trường ĐH.*

*H6: Định hướng sinh viên làm trung tâm có tác động tích cực đến sự bền vững về GDĐH của trường ĐH.*

2.2.2.2. Chất lượng dịch vụ số (Digital Service Quality - DSQ), đồng tạo giá trị và sự bền vững về GDĐH của trường ĐH

Chất lượng dịch vụ số trong GDĐH phản ánh mức độ mà các hệ thống, nền tảng và dịch vụ số của nhà trường vận hành ổn định, dễ sử dụng, đáng tin cậy và hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động giảng dạy, học tập và tương tác học thuật. Trong bối cảnh chuyển đổi số, các nền tảng số không chỉ đóng vai trò là hạ tầng công nghệ hỗ trợ quá trình đào tạo mà còn tạo ra không gian tương tác quan trọng giúp tăng cường sự tham gia của sinh viên, thúc đẩy quá trình đồng tạo giá trị giữa sinh viên và nhà trường, đồng thời cải thiện trải nghiệm học tập và nâng cao sự bền vững về GDĐH của trường ĐH (Mijač & cộng sự, 2024; Monavvarifard & cộng sự, 2019). Qua đó, tác giả đề xuất giả thuyết sau:

*H5: Chất lượng dịch vụ số có tác động tích cực đến quá trình đồng tạo giá trị trong trường ĐH.*

*H7: Chất lượng dịch vụ số có tác động tích cực đến sự bền vững về GDĐH của trường ĐH.*

2.2.2.3. Đồng tạo giá trị trong trường ĐH và sự bền vững về GDĐH của trường ĐH

Trong GDĐH, các yếu tố thuộc về sinh viên và nhà trường được huy động và kết hợp thông qua các tương tác học thuật và tổ chức để cùng tạo ra giá trị. Quá trình đồng tạo giá trị này được hình thành từ sự tham gia của sinh viên và các điều kiện hỗ trợ từ phía nhà trường, qua đó góp phần cải thiện trải nghiệm học tập, tăng cường mức độ gắn kết và năng lực thích ứng của tổ chức nhằm nâng cao sự bền vững về GDĐH của trường ĐH (Monavvarifard & cộng sự, 2019; Omland & cộng sự, 2025). Từ đó, tác giả đề suất giả thuyết sau:

*H8: Đồng tạo giá trị trong trường ĐH có tác động tích cực đến sự bền vững về GDĐH của trường ĐH.*

2.2.2.4. Vai trò trung gian của đồng tạo giá trị trong trường ĐH

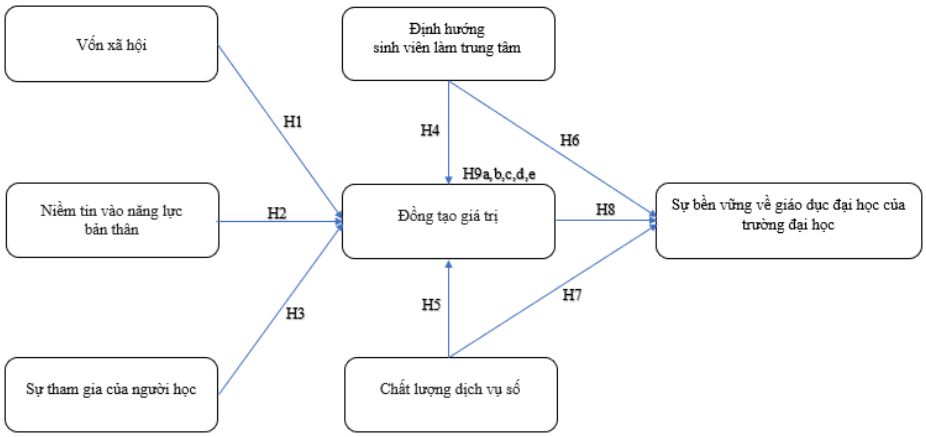
Các nguồn lực của sinh viên, bao gồm vốn xã hội, niềm tin vào năng lực bản thân, sự tham gia của người học và các nguồn lực của trường ĐH bao gồm định hướng sinh viên làm trung tâm và chất lượng dịch vụ số chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi được huy động và vận hành trong các quá trình tương tác, hợp tác và tham gia giữa nhà trường và sinh viên, qua đó tạo điều kiện cho việc hình thành các giá trị giáo dục chung. Khi đó, đồng tạo giá trị đóng vai trò như một cơ chế trung gian, kết nối các nguồn lực của trường ĐH với sự bền vững về GDĐH của trường ĐH thông qua việc nâng cao chất lượng đào tạo, củng cố mối quan hệ đối tác giữa sinh viên và nhà trường (Monavvarifard & cộng sự, 2019; Omland & cộng sự, 2025). Qua đó, tác giả đề xuất các giả thuyết như sau:

*H9a: Vốn xã hội của sinh viên ảnh hưởng đến sự bền vững về GDĐH của trường ĐH thông qua đồng tạo giá trị trong trường ĐH.*

*H9b: Niềm tin vào năng lực bản thân của sinh viên ảnh hưởng đến sự bền vững về GDĐH của trường ĐH thông qua đồng tạo giá trị trong trường ĐH.*

*H9c: Sự tham gia của người học ảnh hưởng đến sự bền vững về GDĐH của trường ĐH thông qua đồng tạo giá trị trong trường ĐH.*

*H9d: Định hướng sinh viên làm trung tâm ảnh hưởng đến sự bền vững về GDĐH của trường ĐH thông qua đồng tạo giá trị trong trường ĐH.*




**Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất**

*H9e: Chất lượng dịch vụ số ảnh hưởng đến sự bền vững về GDĐH của trường ĐH thông qua đồng tạo giá trị trong trường ĐH.*

Từ những cơ sở lý thuyết và giả thuyết đã nêu, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như sau:

## 3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp định lượng, sử dụng dữ liệu khảo sát sinh viên tại các trường ĐH ở TP.HCM. Tổng cộng 500 phiếu khảo sát được phát ra, trong đó 388 phiếu hợp lệ được sử dụng cho phân tích sau khi loại bỏ 112 phiếu không hợp lệ do không đầy đủ thông tin hoặc thể hiện sự thiếu nhất quán, tương ứng với tỷ lệ hợp lệ 77,6%. Nghiên cứu sử dụng phần mềm G*Power 3.1.9.7 để xác định kích thước mẫu tối thiểu phục vụ phân tích PLS-SEM, với kiểm định hồi quy tuyến tính đa biến: mô hình cố định, hệ số xác định $R^2$ khác 0 và thiết lập $f^2 = 0,15$, $\alpha = 0,05$, $1-\beta = 0,95$ và $k = 5$ (Faul & cộng sự, 2009) . Kết quả cho thấy cỡ mẫu tối thiểu cần thiết là 138 quan sát, nên với 388 phiếu hợp lệ quy mô mẫu của nghiên cứu bảo đảm độ mạnh thống kê và phù hợp để tiến hành phân tích PLS-SEM. Tuy nhiên, do dữ liệu được thu thập từ sinh viên tại các trường ĐH ở TP.HCM theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện, khả năng xảy ra sai lệch mẫu (sampling bias) có thể hiện hữu do một số nhóm sinh viên có thành tích học tập tốt có thể có xu hướng tham gia khảo sát cao hơn các nhóm khác.

Thang đo các biến trong mô hình nghiên cứu được xây dựng trên cơ sở kế thừa và hiệu chỉnh từ các nghiên cứu trước đây: vốn xã hội của sinh viên và sự bền vững về GDĐH của trường ĐH (Monavvarifard & cộng sự, 2019), niềm tin vào năng lực bản thân (Alves & Wagner Mainardes, 2017), sự tham gia của người học (Qi & cộng sự, 2020), định hướng sinh viên làm trung tâm (Leatemia & cộng sự, 2022), chất lượng dịch vụ số (Mijač & cộng sự, 2024) và đồng tạo giá trị (Ranjan & Read, 2016). Các thang đo ban đầu được dịch, hiệu chỉnh và điều chỉnh theo ngữ cảnh thông qua tham vấn 06 chuyên gia trong lĩnh vực GDĐH và quản trị, đồng thời thảo luận với 02 nhóm sinh viên và giảng viên - cán bộ nhân viên của trường ĐH nhằm đảm bảo tính rõ ràng, dễ hiểu và phù hợp với bối cảnh nghiên cứu tại Việt Nam. Các biến quan sát được đo lường bằng thang đo Likert 5 mức độ.

Mô hình đo lường được đánh giá thông qua Cronbach's Alpha, CR, AVE và HTMT. Mô hình cấu trúc được kiểm định bằng hệ số đường dẫn β, p-value cùng các chỉ số $R^2$, $f^2$, $Q^2$, SRMR và VIF. Do dữ liệu được thu thập bằng bảng hỏi tự báo cáo từ cùng một nguồn tại cùng thời điểm, nghiên cứu tiến hành kiểm định sai lệch phương pháp chung (Common Method Bias - CMB) bằng full collinearity VIF theo đề xuất của Kock (2015).

## 4. Kết quả và thảo luận

### *4.1. Thống kê mô tả*

Nghiên cứu thực hiện thống kê mô tả về giới tính, năm học, trường học và khối ngành học của sinh viên, các chỉ số thể hiện cụ thể ở bảng 1.

### *4.2. Đánh giá mô hình đo lường*

Trước tiên, việc kiểm định sai lệch phương pháp chung được tiến hành. Các hệ số phóng đại phương sai (VIFs) thu được từ việc đánh giá đa cộng tuyến của mô hình bên trong (inner model) nằm trong khoảng từ 2,146 tới 3,159, đều thấp hơn ngưỡng 3,3 do Kock (2015) đề xuất. Kết quả này cho thấy rằng sai lệch phương pháp chung không phải là một vấn đề đối với mẫu nghiên cứu này.

Kết quả ở Bảng 2 cho thấy các hệ số tải ngoài của các biến quan sát đều lớn hơn 0,70 và dao động từ 0,756 đến 0,899, cho thấy các biến quan sát có mức độ liên kết mạnh với các khái niệm tiềm ẩn tương ứng. Đồng

**Bảng 1. Thống kê nhân khẩu học của bảng khảo sát**

| Nội dung | Số lượng (n=388) | Tỷ lệ % |
|---|---|---|
| Giới tính | | |
| Nam | 123 | 32% |
| Nữ | 265 | 68% |
| Năm học | | |
| Năm nhất | 99 | 26% |
| Năm hai | 67 | 17% |
| Năm ba | 124 | 32% |
| Năm tư trở đi | 98 | 25% |
| Trường học | | |
| Trường đại học công lập | 203 | 52% |
| Trường đại học ngoài công lập | 185 | 48% |
| Khối ngành học | | |
| Khối ngành Kinh doanh và kinh tế | 245 | 63% |
| Khối ngành Khoa học - Xã hội | 58 | 15% |
| Khối ngành Nghệ thuật và Nhân văn | 14 | 4% |
| Khối ngành Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật và Toán học | 29 | 7% |
| Khối ngành Y tế và Chăm sóc sức khoẻ | 42 | 11% |

**Bảng 2. Đánh giá độ tin cậy và giá trị hội tụ của thang đo**

| Nhân tố | Hệ số tải ngoài | Cronbach's Alpha | rho_A | Composite Reliability (CR) | Average Variance Extracted (AVE) |
|---|---|---|---|---|---|
| DSQ (DSQ1- DSQ6) | 0,840 – 0,870 | 0,925 | 0,926 | 0,942 | 0,729 |
| LP (LP1-LP5) | 0,829 – 0,855 | 0,915 | 0,915 | 0,936 | 0,746 |
| SC (SC1-SC6) | 0,795 – 0,852 | 0,905 | 0,908 | 0,926 | 0,678 |
| SE (SE1-SE5) | 0,813 – 0,860 | 0,895 | 0,895 | 0,922 | 0,704 |
| STC (STC1-STC6) | 0,756 – 0,838 | 0,901 | 0,903 | 0,924 | 0,669 |
| UES (UES1-UES6) | 0,814 – 0,899 | 0,942 | 0,943 | 0,954 | 0,776 |
| VCC (VCC1-VCC10) | 0,756 – 0,847 | 0,944 | 0,944 | 0,952 | 0,666 |

thời, các giá trị Cronbach's Alpha của các thang đo dao động từ 0,895 đến 0,944, CR từ 0,922 đến 0,954, đều lớn hơn ngưỡng 0,70. Giá trị AVE của các khái niệm nằm trong khoảng 0,666 đến 0,776, vượt ngưỡng 0,50, cho thấy các thang đo đạt yêu cầu về độ tin cậy nội tại và giá trị hội tụ của các khái niệm nghiên cứu.

Kết quả ở Bảng 3 cho thấy tất cả các giá trị HTMT giữa các khái niệm đều nhỏ hơn 0,90, dao động từ 0,636 đến 0,891, cho thấy các khái niệm trong mô hình nghiên cứu có sự phân biệt rõ ràng với nhau.

### *4.3. Đánh giá mô hình cấu trúc*

Kết quả ở Bảng 4 và Hình 2 cho thấy các nguồn lực của sinh viên và nhà trường đều có tác động tích cực đến quá trình đồng tạo giá trị. Cụ thể, SC ($\beta = 0,119$; $p = 0,023$), SE ($\beta = 0,132$; $p = 0,029$), LP ($\beta = 0,281$; $p < 0,001$), STC ($\beta = 0,196$; $p < 0,001$) và DSQ ($\beta = 0,255$; $p < 0,001$) đều có tác động tích cực đến VCC. Đồng thời, STC ($\beta = 0,182$; $p < 0,001$), DSQ ($\beta = 0,106$; $p = 0,019$) VCC ($\beta = 0,638$; $p < 0,001$) cũng có tác động tích cực đến UES. Do đó, các giả thuyết H1 đến H8 đều được chấp nhận.

Kết quả ở Bảng 5 cho thấy VCC đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa các nguồn lực của sinh viên và nhà trường với UES. Cụ thể, các nguồn lực của sinh viên và nhà trường gồm SC, SE, LP, STC và DSQ đều có tác động gián tiếp đến UES thông qua VCC, do đó các giả thuyết trung gian từ H9a đến H9e được chấp nhận. Bên cạnh đó, kết quả cho thấy SC, STC và DSQ vẫn có tác động trực tiếp đến UES, cho thấy tồn tại trung gian bán phần trong các mối quan hệ này. Trong khi đó, SE và LP không có tác động trực tiếp đến UES, cho thấy VCC đóng vai trò trung gian toàn phần trong các mối quan hệ tương ứng.

Kết quả kiểm định đa cộng tuyến thông qua hệ số VIF cho thấy các giá trị VIF dao động từ 2,146 đến 3,159, đều nhỏ hơn ngưỡng 5, cho thấy mô hình không tồn tại hiện tượng đa cộng tuyến đáng kể.

**Bảng 3. Giá trị phân biệt (HTMT)**

| | DSQ | LP | SC | SE | STC | UES | VCC |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| DSQ | | | | | | | |
| LP | 0,636 | | | | | | |
| SC | 0,739 | 0,714 | | | | | |
| SE | 0,663 | 0,878 | 0,742 | | | | |
| STC | 0,702 | 0,708 | 0,712 | 0,708 | | | |
| UES | 0,720 | 0,731 | 0,732 | 0,707 | 0,755 | | |
| VCC | 0,754 | 0,795 | 0,741 | 0,776 | 0,759 | 0,891 | |

Ngoài ra, hệ số xác định $R^2$ của VCC đạt 0,702 và UES đạt 0,735, cho thấy các biến độc lập trong mô hình giải thích lần lượt 70,2% và 73,5% sự biến thiên của các biến phụ thuộc.

Giá trị $f^2$ cho thấy các biến độc lập xét riêng lẻ thuộc yếu tố nguồn lực sinh viên và nhà trường có mức độ ảnh hưởng nhỏ tới VCC và UES, riêng VCC có tác động quan trọng ($f^2 = 0,608$) tới UES.

Kết quả kiểm định $Q^2$ của VCC và UES lần lượt đạt 0,462 và 0,564, đều lớn hơn 0, cho thấy mô hình có khả năng dự báo tốt đối với các biến nội sinh.

Ngoài ra, mức độ phù hợp tổng thể của mô hình SRMR = 0,042 < 0,08; cho thấy mô hình nghiên cứu có mức độ phù hợp tốt với dữ liệu quan sát.

**Bảng 4. Kết quả kiểm định các giả thuyết**

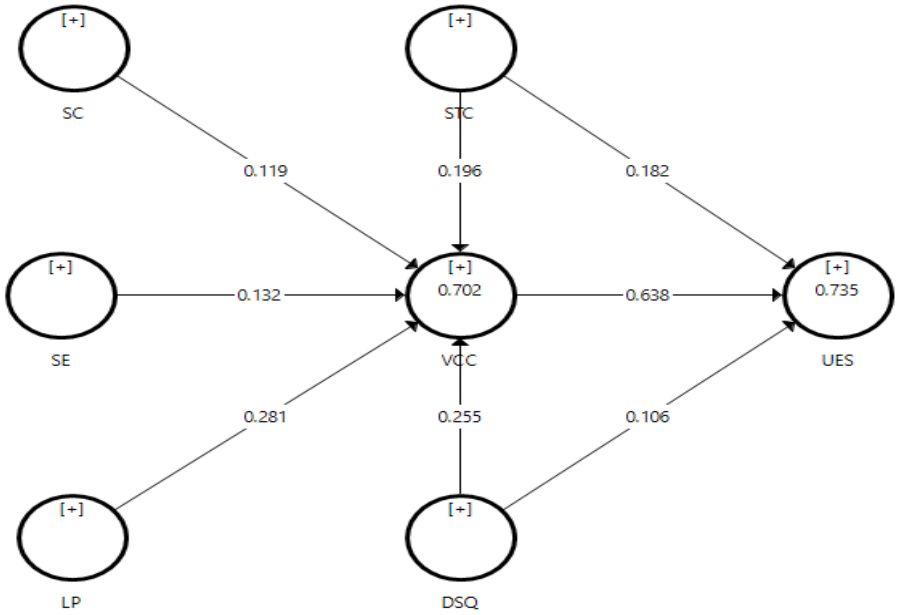
| Giả thuyết | Mối quan hệ | βeta (β) | P-values | $f^2$ | Kết luận |
|---|---|---|---|---|---|
| H1 | SC → VCC | 0,119 | 0,023 | 0,019 | Chấp nhận |
| H2 | SE → VCC | 0,132 | 0,029 | 0,019 | Chấp nhận |
| H3 | LP → VCC | 0,281 | 0,000 | 0,087 | Chấp nhận |
| H4 | STC → VCC | 0,196 | 0,000 | 0,058 | Chấp nhận |
| H5 | DSQ → VCC | 0,255 | 0,000 | 0,099 | Chấp nhận |
| H6 | STC → UES | 0,182 | 0,000 | 0,058 | Chấp nhận |
| H7 | DSQ → UES | 0,106 | 0,019 | 0,019 | Chấp nhận |
| H8 | VCC → UES | 0,638 | 0,000 | 0,608 | Chấp nhận |

### *4.4. Thảo luận*

Kết quả nghiên cứu cho thấy cả nguồn lực sinh viên và nguồn lực nhà trường đều có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình đồng tạo giá trị, từ đó góp phần nâng cao sự bền vững về GDĐH của trường ĐH. Mô hình nghiên cứu đạt mức độ giải thích cao với hệ số xác định ($R^2$) của đồng tạo giá trị đạt 0,702 và của sự bền vững về GDĐH của trường ĐH đạt 0,735, cho thấy các biến trong mô hình có khả năng giải thích đáng kể sự biến thiên của các biến phụ thuộc. Kết quả này củng cố lập luận của SDL rằng giá trị trong hệ thống dịch vụ giáo dục không được tạo ra đơn phương bởi tổ chức mà hình thành thông qua quá trình tương tác và tích hợp nguồn lực giữa các tác nhân trong hệ thống (Vargo và Lusch, 2004, 2008). Trong bối cảnh này, sinh viên không chỉ là người thụ hưởng mà còn là tác nhân tích cực tham gia vào quá trình tạo lập giá trị giáo dục cùng với nhà trường.

Đối với nhóm nguồn lực sinh viên, kết quả cho thấy vốn xã hội, niềm tin vào năng lực bản thân và sự tham gia của người học đều có tác động tích cực đến quá trình đồng tạo giá trị. Phát hiện này phù hợp với các nghiên cứu trước đây khi cho rằng các nguồn lực cá nhân của người học có thể thúc đẩy sự tương tác học thuật và quá trình hợp tác trong môi trường GDĐH (Alves & Wagner Mainardes, 2017; Monavvarifard & cộng sự, 2019; Qi & cộng sự, 2020). Tuy nhiên, mức độ tác động của vốn xã hội và niềm tin vào năng lực bản thân tương đối thấp so với các yếu tố khác trong mô hình. Điều này cho thấy mặc dù các nguồn lực cá nhân có ý nghĩa thống kê, nhưng tác động thực tiễn của chúng đối với quá trình đồng tạo giá trị có thể phụ thuộc vào việc chúng được chuyển hóa thành các hành vi tham gia cụ thể trong quá trình học tập. Nói cách khác, các nguồn lực sinh viên chỉ thực sự tạo ra giá trị khi được huy động và khai thác thông qua các hoạt động tương tác trong hệ thống dịch vụ giáo dục. Một phát hiện đáng chú ý của nghiên cứu khác đó là các nguồn lực của sinh viên không có tác động trực tiếp đến sự bền vững về GDĐH của trường ĐH mà chủ yếu ảnh hưởng thông qua cơ chế trung gian của đồng tạo giá trị. Điều này cho thấy các nguồn lực sinh viên, dù có giá trị, nhưng chỉ phát huy hiệu quả khi được tích hợp vào các quá trình tương tác học thuật với nhà trường.

Đối với nguồn lực của nhà trường, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng định hướng sinh viên làm trung tâm và chất lượng dịch vụ số đều có tác động tích cực đến quá trình đồng tạo giá trị và sự bền vững về GDĐH của trường ĐH. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu trước khi cho rằng môi trường học tập lấy người học làm trung tâm và hạ tầng dịch vụ số hiệu quả có thể thúc đẩy sự tham gia của sinh viên và tăng cường tương tác học thuật trong GDĐH (Leatemia & cộng sự, 2022; Mijač & cộng sự, 2024). Theo góc nhìn RBV, các yếu tố này có thể được xem là các nguồn lực tổ chức quan trọng giúp các trường ĐH tạo ra lợi thế cạnh tranh bền vững thông qua việc nâng cao chất lượng trải




**Hình 2. Mô hình cấu trúc**

**Bảng 5. Kiểm tra hiệu ứng trung gian của mô hình nghiên cứu**

| Giả thuyết | Mối quan hệ | Tác động gián tiếp (β) | Tác động trực tiếp (β) | Tác động tổng (β) | P-values | Kết luận |
|---|---|---|---|---|---|---|
| H9a | SC → VCC → UES | 0,076 | - | 0,076 | 0,025 | Chấp nhận |
| H9b | SE → VCC → UES | 0,084 | - | 0,084 | 0,027 | Chấp nhận |
| H9c | LP → VCC → UES | 0,180 | - | 0,180 | 0,000 | Chấp nhận |
| H9d | STC → VCC → UES | 0,125 | 0,182 | 0,307 | 0,000 | Chấp nhận |
| H9e | DSQ → VCC → UES | 0,163 | 0,106 | 0,269 | 0,000 | Chấp nhận |

nghiệm học tập và khả năng thích ứng của hệ thống giáo dục.

Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy đồng tạo giá trị có tác động mạnh đến sự bền vững về GDĐH của trường ĐH. Hệ số tác động lớn của biến này cho thấy đồng tạo giá trị không chỉ là một kết quả của quá trình tương tác giữa sinh viên và nhà trường mà còn đóng vai trò như một cơ chế then chốt giúp chuyển hóa các nguồn lực thành hiệu quả giáo dục bền vững. Điều này nhấn mạnh rằng sự bền vững của GDĐH không chỉ phụ thuộc vào nguồn lực sẵn có của tổ chức mà còn phụ thuộc vào khả năng thiết kế và vận hành các cơ chế tương tác giúp tích hợp các nguồn lực đó.

Xét về tác động tổng thể của các nhân tố trong mô hình, sự tham gia của người học và chất lượng dịch vụ số nổi lên như những yếu tố quan trọng thúc đẩy quá trình đồng tạo giá trị. Trong khi đó, định hướng sinh viên làm trung tâm và chất lượng dịch vụ số đóng vai trò đáng kể trong việc nâng cao sự bền vững về GDĐH của trường ĐH. Điều này cho thấy sự kết hợp giữa yếu tố hành vi của sinh viên và điều kiện tổ chức từ phía nhà trường có thể tạo ra hiệu ứng cộng hưởng trong quá trình tạo lập giá trị giáo dục.

## 5. Kết luận và kiến nghị

Nghiên cứu này nhằm phân tích vai trò của các nguồn lực của sinh viên và nhà trường trong quá trình đồng tạo giá trị và nâng cao sự bền vững về GDĐH của trường ĐH trong bối cảnh GDĐH tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy các nguồn lực của sinh viên và nhà trường đều có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình đồng tạo giá trị. Đồng thời, đồng tạo giá trị có tác động mạnh đến sự bền vững về GDĐH của trường ĐH và đóng vai trò trung gian trong việc chuyển hóa các nguồn lực của các bên tham gia thành sự bền vững về GDĐH của trường ĐH. Những kết quả này khẳng định tầm quan trọng của việc tăng cường sự tương tác và tích hợp nguồn lực giữa sinh viên và nhà trường nhằm nâng cao quá trình đồng tạo giá trị và sự bền vững về GDĐH của trường ĐH.

### *5.1. Đóng góp về mặt lý thuyết*

Thứ nhất, nghiên cứu tích hợp lý thuyết trọng dịch vụ và lý thuyết dựa trên nguồn lực để phân tích quá trình đồng tạo giá trị giữa sinh viên và trường ĐH, qua đó làm

rõ rằng giá trị trong GDĐH được hình thành từ sự tương tác và tích hợp nguồn lực giữa các chủ thể tham gia.

Thứ hai, nghiên cứu cung cấp bằng chứng thực nghiệm cho thấy các nguồn lực của sinh viên và nhà trường đều đóng vai trò chiến lược trong quá trình đồng tạo giá trị và qua đó nâng cao sự bền vững về GDĐH của trường ĐH.

Thứ ba, nghiên cứu làm rõ vai trò trung gian của đồng tạo giá trị như một cơ chế liên kết giữa các nguồn lực và sự bền vững về GDĐH của trường ĐH.

### *5.2. Đóng góp về mặt thực tiễn*

Nghiên cứu cung cấp các hàm ý thực tiễn cho các cơ sở GDĐH trong việc thúc đẩy sự bền vững về GDĐH của trường ĐH thông qua đồng tạo giá trị giữa sinh viên và nhà trường.

Thứ nhất, các trường ĐH cần tạo môi trường học tập khuyến khích sự tham gia và kết nối của sinh viên, thông qua việc thúc đẩy các hoạt động học tập hợp tác, làm việc nhóm và các nền tảng tương tác học thuật.

Thứ hai, các trường ĐH cần tăng cường định hướng sinh viên làm trung tâm, thiết kế chương trình đào tạo và dịch vụ hỗ trợ dựa trên nhu cầu và trải nghiệm học tập của người học.

Thứ ba, các trường ĐH cần đầu tư phát triển hạ tầng và dịch vụ số, như hệ thống quản lý học tập, nền tảng học tập trực tuyến và các dịch vụ hỗ trợ học tập số nhằm tăng cường tương tác giữa sinh viên và nhà trường.

Đặc biệt, kết quả nghiên cứu cho thấy đồng tạo giá trị không chỉ là mục tiêu mà còn là cơ chế vận hành trung gian, giúp chuyển hóa hiệu quả các nguồn lực của sinh viên và nhà trường thành sự bền vững về GDĐH của trường ĐH.

### *5.3. Hạn chế và hướng nghiên cứu trong tương lai*

Nghiên cứu đạt được các mục tiêu đề ra và cung cấp kết quả có ý nghĩa, tuy nhiên vẫn tồn tại một số hạn chế cần được cân nhắc khi diễn giải và ứng dụng kết quả.

Thứ nhất, dữ liệu được thu thập theo thiết kế cắt ngang nên chỉ phản ánh nhận thức của sinh viên tại một thời điểm, do đó chưa thể phản ánh sự thay đổi theo thời gian của quá trình đồng tạo giá trị và sự bền vững về GDĐH của trường ĐH.

Thứ hai, nghiên cứu tập trung vào sinh viên tại các cơ sở GDĐH ở TP.HCM, nơi có điều kiện kinh tế - xã hội và mức độ số hóa tương đối cao. Vì vậy, kết quả nghiên cứu có thể phản ánh đặc thù của môi trường đô thị và chưa đại diện hoàn toàn cho toàn bộ hệ thống GDĐH tại Việt Nam.

Thứ ba, nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện có thể làm giảm tính đại diện của mẫu và tiềm ẩn sai lệch trong việc chọn mẫu, từ đó hạn chế khả năng khái quát hóa kết quả nghiên cứu.

Nghiên cứu trong tương lai có thể mở rộng phạm vi nghiên cứu sang các địa phương hoặc các loại hình cơ sở GDĐH khác nhằm đánh giá tính ổn định của mô hình. Đồng thời, việc áp dụng thiết kế nghiên cứu theo chuỗi thời gian và bổ sung các biến điều tiết hoặc biến trung gian khác nhằm mở rộng khung phân tích và làm rõ hơn về cơ chế đồng tạo giá trị trong GDĐH.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO


Alves, H., & Wagner Mainardes, E. (2017). Self-efficacy, trust, and perceived benefits in the co-creation of value by consumers. *International Journal of Retail & Distribution Management*, 45(11), 1159-1180. DOI: https://doi.org/10.1108/IJRDM-05-2016-0071

Barney, J. (1991). Firm resources and sustained competitive advantage. *Journal of Management*, 17(1), 99-120. DOI: https://doi.org/10.1177/014920639101700108

Bovill, C. (2020). Co-creation in learning and teaching: the case for a whole-class approach in higher education. *Higher Education*, 79(6), 1023-1037. DOI: https://doi.org/10.1007/s10734-019-00453-w

Bui, H. T. M., Bui, T., & Pham, B. T. (2024). The role of higher education in achieving sustainable development goals: An evaluation of motivation and capacity of Vietnamese institutions. *The International Journal of Management Education*, 22(3), 101088. DOI: https://doi.org/10.1016/j.ijme.2024.101088

Dollinger, M., Lodge, J., & Coates, H. (2018). Co-creation in higher education: Towards a conceptual model. *Journal of Marketing for Higher Education*, 28(2), 210-231. DOI: https://doi.org/10.1080/08841241.2018.1466756

Faul, F., Erdfelder, E., Buchner, A., & Lang, A.-G. (2009). Statistical power analyses using G* Power 3.1: Tests for correlation and regression analyses. *Behavior Research Methods*, 41(4), 1149-1160. DOI: https://doi.org/10.3758/BRM.41.4.1149

Kock, N. (2015). Common method bias in PLS-SEM: A full collinearity assessment approach. *International Journal of E-Collaboration*, 11(4), 1-10. DOI: https://doi.org/10.4018/ijec.2015100101

Leal Filho, W., Viera Trevisan, L., Sivapalan, S., Mazhar, M., Kounani, A., Mbah, M. F.,…Borsari, B. (2025). Assessing the impacts of sustainability teaching at higher education institutions. *Discover Sustainability*, 6(1), 227. DOI: https://doi.org/10.1007/s43621-025-01024-z

Leatemia, L. D., van Merrienboer, J. J., & Susilo, A. P. (2022). Development of a questionnaire to measure teachers' student-centred perspectives based on the Onion Model. *BMC Medical Education*, 22(1), 504. DOI: https://doi.org/10.1186/s12909-022-03547-9

Mijač, T., Jadrić, M., & Ćukušić, M. (2024). The role of user experience and co-creation in measuring the success of digital services in higher education. *Behaviour & Information Technology*, 43(6), 1219-1240. DOI: https://doi.org/10.1080/0144929X.2023.2206924

Monavvarifard, F., Baradaran, M., & Khosravipour, B. (2019). Increasing the sustainability level in agriculture and Natural Resources Universities of Iran through students' engagement in the value Co-creation process. *Journal of Cleaner Production*, 234, 353-365. DOI: https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2019.06.175

Omland, M., Hontvedt, M., Siddiq, F., Amundrud, A., Hermansen, H., Mathisen, M. A.,…Reiersen, F. (2025). Co-creation in higher education: a conceptual systematic review. *Higher Education*, 1-31. DOI: https://doi.org/10.1007/s10734-024-01364-1

Qi, D., Zhang, M., & Zhang, Y. (2020). Influence of participation and value co-creation on learner satisfaction of MOOCs learning: Learner experience perspective. *The Asia-Pacific Education Researcher*, 1-10. DOI: https://doi.org/10.1007/s40299-020-00538-6

Ranjan, K. R., & Read, S. (2016). Value co-creation: concept and measurement. *Journal of The Academy of Marketing Science*, 44, 290-315. DOI: https://doi.org/10.1007/s11747-014-0397-2

Uoc, T. M. (2023). Digital transformation in higher education in Vietnam today. *Revista de Gestão e Secretariado*, 14(8), 14582-14599. DOI: https://doi.org/10.7769/gesec.v14i8.2699

Vargo, S. L., & Lusch, R. F. (2004). The four service marketing myths: remnants of a goods-based, manufacturing model. *Journal of Service Research*, 6(4), 324-335. DOI: https://doi.org/10.1177/1094670503262946

Vargo, S. L., & Lusch, R. F. (2008). Service-dominant logic: continuing the evolution. *Journal of The Academy of Marketing Science*, 36, 1-10. DOI: https://doi.org/10.1007/s11747-007-0069-6

# Student and University Resources, Value Co-Creation and University Educational Sustainability in Vietnam

**Luong Van Thong, Nguyen Manh Hoang, Le Thanh Ha**
Nguyen Tat Thanh University, Vietnam

**Abstract**

In the context of higher education moving toward sustainable development, value co-creation between students and universities is considered an important mechanism. However, empirical evidence integrating both student and university resources that influence the sustainability of higher education through the mechanism of value co-creation remains limited. Based on survey data from 388 students in Ho Chi Minh City, this study finds that student resources (social capital, self-efficacy, and learner participation) and university resources (student-centered orientation and digital service quality) positively influence value co-creation ($R^2 = 0.702$). Through the mediating mechanism of value co-creation, these factors also strongly affect the sustainability of higher education ($R^2 = 0.735$). The study contributes by integrating service-dominant logic and resource-based view theory to clarify the mechanism of resource integration through value co-creation in pursuit of sustainable development.

**Keywords: Resource-Based View; Service-Dominant Logic; Student and university resources; University educational sustainability; Value co-creation.**